

CAM KẾT VÀ THỰC THI CỦA VIỆT NAM VỚI QUY ĐỊNH CỦA CÔNG ƯỚC LIÊN HIỆP QUỐC VỀ LUẬT BIỂN ĐỐI VỚI VẤN ĐỀ NHẬN CHÌM Ở BIỂN

PGS-TS LÊ THỊ ANH ĐÀO

Trường Đại học Luật Hà Nội

Hanoi Law University

Email: anhdaole.hlu@gmail.com

Tóm tắt

Là một thành viên của Công ước Liên hợp quốc về Luật biển (United Nations Convention on the Law of the Sea, UNCLOS) từ năm 1994, Việt Nam có nghĩa vụ thông qua các luật và quy định để phòng chống ô nhiễm môi trường biển do nhận chìm. Việc nhận chìm ở biển các vật chất nạo vét đã diễn ra trong nhiều năm ở Việt Nam nhưng cho đến năm 2016, hoạt động này mới được quản lý dưới hình thức cấp phép nhận chìm. Bài viết này đánh giá pháp luật Việt Nam về quản lý hoạt động nhận chìm vật chất nạo vét ở biển dưới góc độ thực thi UNCLOS nhằm làm rõ những vấn đề còn tồn tại trong quản lý, từ đó đề xuất giải pháp tiếp tục hoàn thiện pháp luật Việt Nam theo hướng thực hiện hiệu quả hơn các yêu cầu của Công ước.

Từ khóa: nhận chìm ở biển, Việt Nam, bãi biển, vật chất nạo vét

Abstract

As a member of the United Nations Convention on the Law of the Sea (UNCLOS) since 1994, Vietnam has adopted laws and regulations to prevent marine pollution by dumping. Despite the long-standing practice of disposing of dredged material at sea within Vietnamese waters, formal regulation through the issuance of dumping permits was not established until 2016. This article provides a critical analysis of Vietnam's legal structure concerning the management of dredged material disposal in relation to the implementation of UNCLOS. By identifying and scrutinizing existing deficiencies in current management practices, this article aims to offer constructive recommendations for the advancement of Vietnamese legislative measures, thereby facilitating more effective adherence to the obligations set forth by the Convention.

Keywords: dumping at sea, Vietnam, beach, dredged material

DOI: <https://doi.org/10.70236/khplvn.359>

Ngày nhận bài: 11/4/2025

Ngày duyệt đăng: 17/8/2025

1. Cam kết của Việt Nam liên quan đến các quy định của UNCLOS về nhận chìm trên biển

Nhận chìm ở biển là sự đánh chìm hoặc trút bỏ có chủ định xuống biển các vật, chất được nhận chìm ở biển.¹ Nhận chìm trên biển là hoạt động kinh tế bình thường, song cần được kiểm soát chặt chẽ.²

Công ước Luật biển năm 1982 (United Nations Convention on the Law of the Sea, UNCLOS) bao gồm cả nội dung về phòng ngừa, ngăn chặn ô nhiễm do nhận chìm ở biển. Trước đó, trên thế giới, việc quản lý hoạt động nhận chìm ở biển được bắt đầu từ năm 1972 khi Công ước Luân Đôn về ngăn ngừa ô nhiễm biển do nhận chìm các chất thải và các chất khác (Công ước

1 Khoản 14 Điều 3 Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải năm 2015.

2 Nguyễn Tác An, “Nhận chìm là hoạt động kinh tế bình thường, song cần được kiểm soát chặt chẽ”, *Báo Nông nghiệp và Môi trường*, 2018, <https://baotainguyenmoitruong.vn/pgs-tskh-nguyen-tac-an-nhan-chim-la-hoat-dong-kinh-te-binh-thuong-song-can-duoc-kiem-soat-chat-che-239550.html>, truy cập ngày 5/11/2025.

Luân Đôn 1972) được thông qua.³ Năm 1996, Nghị định thư của Công ước Luân Đôn năm 1972 (Nghị định thư Luân Đôn) được thông qua và có hiệu lực vào năm 2006. Cho đến nay, có 87 thành viên của Công ước Luân Đôn 1972; 53 thành viên của Nghị định thư Luân Đôn 1996⁴ và 170 thành viên của UNCLOS.⁵ Đối với những quốc gia không tham gia vào Công ước Luân Đôn 1972, UNCLOS gián tiếp thúc đẩy cộng đồng rộng lớn hơn là các thành viên của UNCLOS tuân thủ Công ước Luân Đôn 1972. Trong số các điều ước trên, Việt Nam mới chỉ là thành viên của UNCLOS từ ngày 23/6/1994.

Công ước Luân Đôn 1972 góp phần vào việc kiểm soát quốc tế và ngăn ngừa ô nhiễm môi trường biển bằng cách cấm nhận chìm một số vật liệu độc hại, được liệt kê trong “danh sách đen” là các phụ lục của Công ước. Ngoài ra, chủ thể nhận chìm cần phải có giấy phép đặc biệt trước khi nhận chìm một số vật liệu đã được xác định và giấy phép chung cho các chất thải hoặc vật chất khác.⁶ Nghị định thư Luân Đôn thể hiện một sự thay đổi lớn trong cách tiếp cận đối với câu hỏi làm thế nào để điều chỉnh việc sử dụng biển như một nơi lưu giữ các vật chất phế thải. Thay vì nêu rõ như Công ước Luân Đôn 1972 về những vật chất nào không được đổ thải ở biển, Nghị định thư Luân Đôn cấm nhận chìm các vật chất thải, ngoại trừ những vật chất có thể được phép.⁷ Theo đó, “danh sách đen” (Phụ lục của Công ước Luân Đôn 1972) được thay thế bằng một “danh sách ngược” – một phụ lục đính kèm cùng Nghị định thư về các chất thải có thể được nhận chìm. Việc nhận chìm các vật chất này ở biển cũng phải trải qua quá trình đánh giá và cấp phép.

Như vậy, Nghị định thư Luân Đôn nhấn mạnh “cách tiếp cận phòng ngừa”, trong đó yêu cầu “thực hiện các biện pháp phòng ngừa thích hợp khi có lý do để tin rằng chất thải hoặc các chất khác đưa vào môi trường biển có khả năng gây hại ngay cả khi không có bằng chứng thuyết phục để chứng minh mối quan hệ nhân quả giữa các yếu tố đầu vào và tác động của chúng”. Với phương pháp tiếp cận ngược này, Nghị định thư Luân Đôn đã kiểm soát tốt hơn về loại chất được nhận chìm ở biển và theo nhiều nhận định thì Nghị định thư này cuối cùng sẽ thay thế Công ước Luân Đôn.⁸ Đáng lưu ý, Nghị định thư công nhận rằng các nước đang phát triển thường thiếu nguồn lực cần thiết để xử lý đúng cách các chất thải và thực thi các quy định, vì vậy,

3 Công ước về ngăn ngừa ô nhiễm biển do đổ chất thải và các vật chất khác, được thông qua ngày 13/11/1972 và có hiệu lực từ 30/8/1975.

4 IMO, “Convention on the Prevention of Marine Pollution by Dumping of Wastes and Other Matter”, *International Maritime Organization*, <https://www.imo.org/en/OurWork/Environment/Pages/London-Convention-Protocol.aspx>, truy cập ngày 5/11/2025.

5 United Nation Treaty Collection, “6 . United Nations Convention on the Law of the Sea”, in *Chapter XXI: Law of the sea*, Montego Bay, 10 December 1982 <https://treaties.un.org/doc/Publication/MTDSG/Volume%20II/Chapter%20XXI/XXI-6.en.pdf>, truy cập ngày 5/11/2025.

6 Điều 4 Công ước Luân Đôn năm 1972.

7 Điều 4 Nghị định thư Luân Đôn năm 1996.

8 Phạm Thị Gấm và Văn Thị Hậu, “Cơ hội và thách thức khi Việt Nam tham gia Nghị định thư Luân Đôn năm 1996 về ngăn chặn ô nhiễm biển do nhận chìm chất thải và các chất khác”, *Tạp chí Môi trường*, số 11, 2015, tr. 43-48; World Marine University, *Protecting the Ocean: Moving forward: London Convention/Protocol and Stockholm Declaration*, Conference Proceedings, 9 October, 2023, <https://www.wmu.se/news/imo-wmu-conference-proceedings-protecting-the-ocean-moving-forward-at-50-london-convention-protocol-and-stockholm-declaration>, truy cập ngày 5/11/2025.

cần thúc đẩy tiếp cận với công nghệ môi trường và hỗ trợ nguồn lực đối với các quốc gia đang phát triển.

Đối với UNCLOS, vấn đề nhận chìm ở biển được điều chỉnh tại Điều 1 khoản 5, Điều 210 và Điều 216, trong đó định nghĩa về “nhận chìm” giống như trong Điều III Công ước Luân Đôn năm 1972. Theo UNCLOS, việc đổ chất thải phải tuân theo hệ thống giấy phép⁹ do các quốc gia ven biển thực thi. Các quốc gia thông qua các luật và quy định để phòng ngừa, hạn chế và chế ngự ô nhiễm môi trường biển do sự nhận chìm. Việc nhận chìm ở trong lãnh hải, trong vùng đặc quyền kinh tế hay trên thềm lục địa chỉ được tiến hành khi được sự đồng ý rõ ràng của quốc gia ven biển. Quốc gia ven biển có quyền cho phép, quy định và kiểm soát sự nhận chìm này. Các luật và quy định cũng như các biện pháp quốc gia không được kém hiệu quả hơn các quy phạm có tính chất toàn cầu về ngăn ngừa, hạn chế và chế ngự ô nhiễm biển do nhận chìm.¹⁰ Với quy định này, việc nghiên cứu thực tiễn Việt Nam thực hiện quy định của UNCLOS sẽ tập trung vào rà soát việc ban hành pháp luật quốc gia và đánh giá tính hiệu quả của các quy định đó trong quản lý nhận chìm ở biển.

2. Thực tiễn Việt Nam thực hiện cam kết trong UNCLOS về quản lý nhận chìm ở biển

2.1. Quá trình Việt Nam xây dựng và hoàn thiện pháp luật về quản lý nhận chìm ở biển

Bên cạnh nghĩa vụ pháp lý thực thi UNCLOS, việc quản lý nhận chìm trên biển các vật chất nạo vét còn là nhu cầu nội tại của quốc gia nhằm bảo vệ môi trường và phát triển kinh tế. Ở Việt Nam, vật chất nhận chìm ở biển chủ yếu là các vật chất nạo vét phát sinh từ luồng hàng hải và cảng biển do sự gia tăng nhanh chóng của ngành hàng hải.¹¹ Nạo vét luồng hàng hải là cần thiết để duy tu và đảm bảo quá trình khai thác giao thông thủy thuận lợi.¹² Theo thống kê của Tổng cục Biển và hải đảo Việt Nam (nay là Cục biển và Hải đảo Việt Nam), tổng lượng vật chất nạo vét phát sinh từ một cảng biển mới khoảng 10 đến 15 triệu m³ và từ các cảng biển còn lại từ 0,5 đến 1 triệu m³ mỗi năm. Hàng năm Việt Nam có 12 đến 15 trên tổng số 36 tuyến luồng hàng hải được nạo vét duy tu, trong đó tuyến luồng phải nạo vét duy tu nhiều lần gồm luồng tàu vào cảng Hải Phòng 3 lần/năm, luồng tàu Định An 2 lần/năm.¹³ Do đó, nhu cầu nhận chìm chất nạo vét tại biển Việt Nam là rất lớn và sẽ tăng lên trong tương lai. Tuy nhiên, từ khi Luật Tài nguyên,

9 Điều 210 (3) UNCLOS.

10 Khoản 6 Điều 210 UNCLOS.

11 Dục Dung Le, Thi Anh Dao Le, Thi Gam Pham, “Vietnam’s regulations on sea dumping: Outstanding issues and suggestions for improvement”, *Regional Studies in Marine Science*, Vol. 68, 2023, <https://doi.org/10.1016/j.rsma.2023.103253>

12 Trần Anh Quân, Đỗ Thị Hải, Nguyễn Thị Hồng Ngọc, “Sự phát tán vật chất lơ lửng trong nước biển do nạo vét và nhận chìm vật, chất nạo vét tại cảng Nghi Sơn, Thanh Hóa”, *Tạp chí Môi trường*, số II, 2021, <https://tapchimoitruong.vn/nghien-cuu-23/su-phat-tan-vat-chat-lo-lung-trong-nuoc-bien-do-nao-vet-va-nhan-chim-vat-chat-nao-vet-tai-cang-nghi-son-thanh-hoa-25651>, truy cập ngày 5/11/2025.

13 Văn Hào, “Đổ thải, nhận chìm trên biển – Nhu cầu thực tế và tác động môi trường”, *Báo Tin tức và Dân tộc*, 27/07/2017, <https://baotintuc.vn/xa-hoi/do-thai-nhan-chim-tren-bien-bai-1-nhu-cau-thuc-te-va-tac-dong-moi-truong-20170727093309493.htm>, truy cập ngày 5/11/2025.

Môi trường biển và Hải đảo (Luật TNMTB và HĐ) năm 2015 có hiệu lực đến năm 2024, tại khu vực biển phía Bắc mới chỉ có 03 giấy phép nhận chìm chất nạo vét ở biển cấp cho khu vực biển Hải Phòng; khu vực biển Đông Nam Bộ hiện có hai giấy phép; Tây Nam Bộ hiện có 06 giấy phép. Hầu hết các khu vực biển thuộc Bắc Trung Bộ, duyên hải Trung Bộ đều có nhu cầu nạo vét các tuyến luồng hàng hải, với tổng khối lượng cần nạo vét khoảng 14,7 triệu m³ nhưng cũng chỉ có 19 giấy phép nhận chìm đã được cấp.¹⁴ Thực tiễn này đặt ra yêu cầu Việt Nam phải tiếp tục hoàn thiện pháp luật để quản lý nhận chìm ở biển theo các quy định của luật pháp quốc tế, góp phần phát triển bền vững hơn nền kinh tế biển.

Trước khi trở thành thành viên của UNCLOS, việc quản lý hoạt động nhận chìm trên biển ở Việt Nam được thực hiện theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường (BVMT) năm 1993.¹⁵ Luật này chỉ yêu cầu đánh giá tác động môi trường (ĐTM) khi thực hiện các dự án,¹⁶ do đó, việc nhận chìm ở biển chỉ cần thực hiện theo ĐTM đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Trong bối cảnh Việt Nam đã chính thức trở thành thành viên của UNCLOS vào năm 1994, Luật BVMT năm 2005 tiếp tục yêu cầu ĐTM và “Nghiêm cấm mọi hình thức đổ chất thải trong vùng biển nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam”.¹⁷ Sau đó, Luật Biển Việt Nam năm 2012 lần đầu tiên đề cập thuật ngữ “nhận chìm” nhưng cũng chỉ quy định ngắn gọn “tàu, thuyền, tổ chức, cá nhân không được thải, nhận chìm hay chôn lấp các loại chất thải công nghiệp, chất thải hạt nhân hoặc các loại chất thải độc hại khác trong vùng biển Việt Nam”.¹⁸

Tiếp đó, Luật BVMT năm 2005 đã được sửa đổi và bổ sung bởi Luật BVMT năm 2014, trong đó đã quy định về kiểm soát, xử lý ô nhiễm môi trường biển và hải đảo. Luật này tiếp tục yêu cầu ĐTM đối với việc nhận chìm ở biển. Tuy nhiên, khác với cách tiếp cận “cấm nhận chìm” trong các luật trước đây, Luật BVMT năm 2014 cho phép hoạt động nhận chìm trong vùng biển Việt Nam, theo đó “Việc nhận chìm, đổ thải ở biển và hải đảo phải căn cứ vào đặc điểm, tính chất của loại chất thải và phải được phép của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền”.¹⁹ Mặc dù điều khoản này chỉ mang tính quy định khung nhưng Luật cũng không giao cho cơ quan nào hướng dẫn chi tiết nội dung này, do vậy, điều khoản trên không thể triển khai được trong thực tế.

Năm 2015, quản lý nhận chìm ở biển lần đầu tiên được quy định cụ thể trong Luật TNMTB và HĐ, có hiệu lực từ ngày 1/7/2016. Theo Luật này,²⁰ quản lý nhận chìm ở biển tập trung vào các yêu cầu đối với trường hợp nhận

14 Viện Khoa học môi trường biển và hải đảo, *Nghiên cứu xây dựng Bộ tiêu chí xác định ngưỡng chịu tải các khu vực quy hoạch nhận chìm chất nạo vét trong vùng lãnh hải Việt Nam*, Báo cáo tổng hợp đề tài cấp quốc gia, Mã số: ĐTĐL.CN-57/20, Hà Nội, 2024, tr. 51-69.

15 Luật Bảo vệ môi trường số 29-L/CTN ngày 27/12/1993.

16 Luật Bảo vệ môi trường số 29-L/CTN ngày 27/12/1993.

17 Khoản 4 Điều 57 Luật BVMT năm 2005.

18 Khoản 3 Điều 35 của Luật biển Việt Nam năm 2012.

19 Khoản 3 Điều 50 Luật BVMT năm 2014.

20 Điều 57 đến Điều 63 Luật TNMTB và HĐ năm 2015.

chìm ở biển; vật chất có thể nhận chìm ở biển; giấy phép nhận chìm ở biển; cấp, cấp lại, gia hạn, bổ sung, sửa đổi, trả lại và thu hồi giấy phép; quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép; kiểm soát việc nhận chìm ở biển; đổ thải ra ngoài lãnh hải Việt Nam gây thiệt hại đến tài nguyên, môi trường biển và hải đảo Việt Nam.

Để cụ thể hóa Luật TNMTB và HĐ năm 2015, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật này (Nghị định số 40/2016/NĐ-CP). Đối với nhận chìm, Chương VIII của Nghị định quy định chi tiết về giấy phép nhận chìm ở biển. Danh mục vật, chất được nhận chìm ở biển bao gồm: chất nạo vét; bùn thải; các chất thải từ thủy sản hoặc các chất thải phát sinh từ hoạt động chế biến thủy sản, từ tàu thuyền, giàn nổi hoặc các công trình nhân tạo ở biển; các chất địa chất tro và chất vô cơ; các chất hữu cơ có nguồn gốc tự nhiên; các vật thể lớn được tạo thành chủ yếu từ sắt, thép, bê-tông và các chất tương tự không độc hại mà trong điều kiện, hoàn cảnh cụ thể không có cách xử lý nào tốt hơn là nhận chìm; carbon dioxide (CO_2) được thu và lưu trữ.

Để có căn cứ đánh giá chất nạo vét và cơ sở xác định khu vực nhận chìm chất nạo vét ở biển Việt Nam, Bộ Tài nguyên và Môi trường (Bộ TNMT) đã ban hành Thông tư số 28/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 quy định kỹ thuật đánh giá chất nạo vét và xác định khu vực nhận chìm chất nạo vét ở vùng biển Việt Nam (Thông tư số 28/2019/TT-BTNMT). Thông tư tập trung vào hai vấn đề chính là đánh giá chất nạo vét để nhận chìm ở biển và xác định khu vực nhận chìm chất nạo vét ở vùng biển Việt Nam. Chính phủ cũng ban hành Nghị định 159/2018/NĐ-CP ngày 28/11/2018 về quản lý hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa. Trước ngày 30/1 hằng năm, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (UBND tỉnh) phải công bố địa điểm đổ chất nạo vét trên bờ và ngoài biển thuộc phạm vi quản lý của tỉnh.

Gần đây nhất, để khắc phục các hạn chế trong Luật BVMT năm 2014, Việt Nam đã ban hành Luật BVMT năm 2020. Luật này quy định rõ về thẩm quyền thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, trong đó Bộ TNMT tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với các dự án cấp phép nhận chìm ở biển, quyết định giao khu vực biển của Bộ TNMT (Điều 35). Luật BVMT năm 2020 cũng quy định rõ quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường là một trong các căn cứ để cơ quan có thẩm quyền thực hiện cấp giấy phép nhận chìm ở biển và quyết định giao khu vực biển (Điều 36). Ủy ban nhân dân tỉnh quy định khu vực, địa điểm đổ thải, nhận chìm đối với vật chất nạo vét từ hệ thống giao thông đường thủy nội địa và đường biển; có giải pháp phân luồng giao thông, kiểm soát ô nhiễm môi trường nhằm hạn chế ô nhiễm môi trường không khí đối với đô thị loại đặc biệt, đô thị loại I (Điều 65). Ngoài ra, dự án đầu tư bao gồm cả nhận chìm ở biển có thể được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của Luật Đầu tư công năm 2019 hoặc Luật Đầu tư năm 2020.

Để thực hiện Luật BVMT năm 2020, Việt Nam đã ban hành các văn bản hướng dẫn thi hành, trong đó có Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày

10/02/2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân, khai thác, sử dụng tài nguyên biển; quy định cụ thể về thẩm quyền giao, công nhận, cho phép trả lại khu vực biển; gia hạn, sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển, thu hồi khu vực biển (Nghị định số 11/2021/NĐ-CP). Các văn bản nêu trên đã cung cấp nền tảng cho việc cấp phép và quản lý hoạt động nhận chìm trên biển ở Việt Nam hiện nay.

2.2. Đánh giá pháp luật hiện hành của Việt Nam trong mối quan hệ với quy định của UNCLOS về quản lý nhận chìm trên biển

Quá trình trên cho thấy, Việt Nam đã liên tục hoàn thiện pháp luật quốc gia về quản lý nhận chìm ở biển, trong đó có những quy định được ban hành dựa trên UNCLOS và Nghị định thư Luân Đôn năm 1996, ví dụ như danh mục vật liệu nhận chìm ở biển, đánh giá vật liệu nạo vét để nhận chìm ở biển... Tuy nhiên, so với yêu cầu của UNCLOS,²¹ pháp luật hiện hành của Việt Nam về quản lý nhận chìm vật, chất nạo vét ở biển còn một số hạn chế.

2.2.1. Định nghĩa “nhận chìm ở biển” chưa tương thích với quy định của UNCLOS

Điều 3 Luật TNMTB và HĐ năm 2015 định nghĩa “Nhận chìm ở biển là sự đánh chìm hoặc trút bỏ có chủ định xuống biển các vật, chất được nhận chìm ở biển theo quy định của Luật này”. Danh mục vật, chất được xem xét nhận chìm ở biển gồm 8 loại vật, chất được quy định tại Điều 60 Nghị định số 40/2016/NĐ-CP, bao gồm: (i) vật liệu đã được nạo vét; (ii) bùn thải; (iii) chất thải cá hoặc nguyên liệu từ hoạt động chế biến cá công nghiệp; (iv) tàu thuyền, giàn nổi hoặc các công trình nhân tạo trên biển; (v) vật liệu địa chất tro, vô cơ; (vi) các chất hữu cơ tự nhiên; (vii) vật phẩm công kênh không độc hại chủ yếu được làm bằng sắt, thép, bê tông và các vật liệu tương tự nhưng không có biện pháp xử lý nào tốt hơn là đổ bỏ trong một điều kiện, hoàn cảnh cụ thể; (viii) carbon dioxide (CO₂) được thu giữ và lưu trữ.

Định nghĩa này quá nghiêm ngặt so với quy định trong UNCLOS,²² vì không đề cập những trường hợp ngoại lệ như Công ước. Theo UNCLOS, “nhận chìm” không bao gồm một số hoạt động như xử lý chất thải hoặc các chất khác ngẫu nhiên, hoặc bắt nguồn từ hoạt động bình thường của tàu thuyền, máy bay, giàn khoan hoặc các cấu trúc nhân tạo khác trên biển và thiết bị của chúng.²³ Mặc dù Việt Nam ưu tiên áp dụng điều ước quốc tế trong trường hợp văn bản quy phạm pháp luật quốc gia và điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên có quy định khác nhau về cùng một vấn đề,²⁴ nhưng việc quy định chưa tương thích như trên vẫn cần phải sửa đổi, bởi vì nó cũng chưa tương thích với các quy định liên quan khác của pháp luật Việt Nam về kiểm soát chất thải từ tàu thuyền và các công trình khác.

Ví dụ, Bộ Giao thông vận tải đã ban hành QCVN 26: 2018/BGTVT về Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về hệ thống phòng ngừa ô nhiễm biển của tàu biển, trong đó cho phép một số trường hợp được phép xả rác xuống biển khi

21 Khoản 6 Điều 210 UNCLOS.

22 Duc Dung Le, Thi Anh Dao Le, Thi Gam Pham, *tlđđ*, tr. 78.

23 Điều 1 (5) UNCLOS.

24 Điều 6(1) Luật Điều ước quốc tế năm 2016.

tàu quá cảnh và càng xa bờ càng tốt;²⁵ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT cho phép xả một số loại chất thải từ cấu trúc đầu như chất thải thực phẩm sau khi nghiền có kích thước nhỏ hơn 25 mm.²⁶

2.2.2. Thủ tục xin cấp phép nhận chìm ở biển mất nhiều thời gian

Trên cơ sở UNCLOS quy định việc đổ chất thải phải tuân theo hệ thống giấy phép do các quốc gia ven biển thực thi,²⁷ Việt Nam đã ban hành các quy định yêu cầu các dự án đầu tư ở Việt Nam bao gồm cả việc nhận chìm ở biển phải xin 04 loại giấy phép chính của cơ quan có thẩm quyền: đánh giá sơ bộ tác động môi trường và quyết định chủ trương đầu tư ĐTM giấy phép nhận chìm ở biển, và giấy phép sử dụng khu vực biển để nhận chìm.

Đối với đánh giá sơ bộ tác động môi trường và quyết định chủ trương đầu tư: Theo Luật BVMT năm 2020 và Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, trong giai đoạn nghiên cứu tiền khả thi, các dự án đầu tư Nhóm I thuộc thẩm quyền của Bộ TNMT cho phép nhận chìm ở biển thì sẽ phải thực hiện đánh giá sơ bộ tác động môi trường. Đánh giá này được thẩm định và phê duyệt cùng với hồ sơ đề nghị quyết định hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư.²⁸

Đối với ĐTM: Tất cả các dự án bao gồm cả việc nhận chìm ở biển đều phải xây dựng báo cáo ĐTM để phê duyệt.²⁹ Trong giai đoạn xây dựng báo cáo ĐTM, chủ đầu tư phải lấy ý kiến của cộng đồng dân cư, cá nhân chịu tác động trực tiếp của dự án đầu tư và các tổ chức có liên quan trực tiếp đến dự án đầu tư.³⁰ Nếu nhận chìm vật chất nạo vét ở biển có tổng khối lượng từ 5.000.000 m³, chủ đầu tư phải lấy ý kiến của tổ chức chuyên môn.³¹ Chủ đầu tư phải đăng báo cáo ĐTM trên các trang web và áp dụng các phương pháp như tổ chức họp lấy ý kiến bằng miệng và/hoặc ý kiến bằng văn bản.³² Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo ĐTM của Bộ TNMT (đối với các dự án đầu tư nhóm I và dự án đầu tư nhóm II thuộc thẩm quyền cấp phép nhận chìm ở biển của Bộ TNMT) hoặc UBND tỉnh (đối với các dự án còn lại) là cơ sở để cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép nhận chìm ở biển và quyết định sử dụng khu vực biển.³³

Đối với Giấy phép nhận chìm ở biển: Việc nhận chìm ở biển chỉ được thực hiện khi cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy phép nhận chìm.³⁴ Các điều kiện chính để được cấp phép nhận chìm ở biển bao gồm: không được phép nhận chìm ở biển gây ảnh hưởng xấu đến sức khỏe con người và tiềm năng phát triển kinh tế của đất nước, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường và hệ sinh thái; khu vực biển làm bãi thải phải phù hợp với

25 Mục 1.2.2 đến 1.2.5 chương 1 Phần 9 QCVN 26: 2018/BGTVT.

26 Điểm b khoản 1 Điều 44 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/1/2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật BVMT năm 2020.

27 Điều 210 (3) UNCLOS.

28 Điều 28-29 Luật BVMT năm 2020; Điều 25(1) và Điều 28 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP 0.

29 Điều 28-29 Luật BVMT năm 2020 và Phụ lục 3, Phụ lục 4 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

30 Điều 33 Luật BVMT năm 2020.

31 Điều 26 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

32 Điều 33 Luật BVMT năm 2020.

33 Điều 35-36 và Điều 42 Luật BVMT năm 2020.

34 Điều 43 và Điều 57 Luật TNMTB và HĐ năm 2015.

quy hoạch sử dụng biển, quy hoạch tổng thể khai thác và sử dụng bền vững tài nguyên vùng ven biển; vật, chất nhận chìm phát sinh ngoài lãnh thổ Việt Nam không được phép nhận chìm ở vùng biển Việt Nam; Không cấp Giấy phép nhận chìm trong phạm vi khu vực biển đang có tổ chức, cá nhân sử dụng hợp pháp để khai thác, sử dụng tài nguyên biển; khu vực cấm, tạm thời cấm, hạn chế hoạt động.³⁵

Các vật, chất nhận chìm ở biển phải thuộc Danh mục vật, chất được nhận chìm ở biển,³⁶ đồng thời chúng phải đáp ứng 3 điều kiện chính: (i) không chứa chất phóng xạ, chất độc vượt quy chuẩn kỹ thuật an toàn bức xạ, quy chuẩn kỹ thuật môi trường; (ii) được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; bảo đảm không tác động có hại đến sức khỏe con người, môi trường, hệ sinh thái, nguồn lợi thủy sản; (iii) không thể đổ thải, lưu giữ, xử lý trên đất liền hoặc việc đổ thải, lưu giữ, xử lý trên đất liền không hiệu quả về kinh tế - xã hội.³⁷

Bộ TNMT cấp Giấy phép nhận chìm ở biển trong trường hợp khu vực biển được sử dụng để nhận chìm có một phần hoặc toàn bộ nằm ngoài vùng biển ven bờ hoặc khu vực biển giáp ranh giữa hai tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có biển; UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có biển cấp Giấy phép nhận chìm ở biển trong vùng biển ven bờ thuộc phạm vi quản lý của mình, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ TNMT.³⁸

Đối với Giấy phép sử dụng khu vực biển để nhận chìm: Nghị định 11/2021/NĐ-CP quy định thủ tục hành chính “cấp phép nhận chìm ở biển” và “quyết định giao khu vực biển” trong một quy trình. Trường hợp tổ chức, cá nhân đủ điều kiện được cấp, gia hạn Giấy phép nhận chìm ở biển thì cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp, gia hạn Giấy phép nhận chìm ở biển cấp đồng thời Giấy phép nhận chìm ở biển và Quyết định giao khu vực biển cho tổ chức, cá nhân.³⁹

Quy định về thủ tục cấp phép như trên là chi tiết nhưng do phải trải qua quy trình 4 bước nên việc cấp phép nhận chìm ở biển sẽ mất nhiều thời gian, gây ra lãng phí nguồn lực cho cả nhà đầu tư và cơ quan quản lý nhà nước.

2.2.3. Thiếu các quy chuẩn kỹ thuật đối với vật chất được xem xét để nhận chìm ở biển

Căn cứ vào Nghị định 40/2016/NĐ-CP, 8 loại vật chất được xem xét để nhận chìm ở biển. Danh mục các vật chất được phép nhận chìm ở biển quy định trong Nghị định số 40/2016/NĐ-CP của Chính phủ hoàn toàn trùng khớp với danh mục các chất, bao gồm cả chất nạo vét được đổ xuống biển, được quy định trong Điều IV Phụ lục II Công ước Luân Đôn năm 1972 và Điều 4(1.2) Phụ lục I Nghị định thư Luân Đôn năm 1996. Tuy nhiên, pháp luật hiện nay mới chỉ quy định về quy chuẩn kỹ thuật đánh giá vật liệu nạo vét, mà chưa quy định về lựa chọn vị trí bãi thải và quy chuẩn kỹ thuật

35 Điều 49 Nghị định số 40/2016/NĐ-CP.

36 Điều 60 Nghị định 40/2016/NĐ-CP.

37 Điều 58 Luật TNMTB và HĐ năm 2015.

38 Điều 60, Luật TNMTB và HĐ năm 2015.

39 Điều 18 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP.

đánh giá các vật liệu khác.⁴⁰ Hơn nữa, Thông tư 28/2019/TT-BTNMT quy định việc đánh giá chất nạo vét để nhận chìm nhưng quy định này chỉ tập trung vào việc hạn chế tính chất hóa học của chất nạo vét có thể đổ xuống biển mà không phân loại. Trên thực tế, vật liệu nạo vét có thể được phân loại thành một số loại để có thể được sử dụng làm nguồn vật liệu xây dựng và bồi đắp bãi biển, san lấp mặt bằng hoặc đổ ra biển.

Mặc dù gần đây không có chủ thể nào yêu cầu nhận chìm các vật liệu khác ngoại trừ vật liệu nạo vét ở biển nhưng nếu không sớm bổ sung quy định này thì cơ quan có thẩm quyền sẽ bị động trong việc thực hiện các quy định về nhận chìm ở biển hoặc thậm chí không quản lý được hoạt động này. Vì vậy, các quy định kỹ thuật cho nhận chìm các vật chất khác cần được xây dựng và luật hóa.

2.2.4. Các quy định lựa chọn bãi nhận chìm ở biển còn hạn chế

Về quy hoạch bãi nhận chìm ở biển, hiện nay Việt Nam không có quy hoạch riêng cho việc nhận chìm ở biển. Các bãi thải ở biển được đưa vào các quy hoạch liên quan,⁴¹ theo đó, việc lựa chọn bãi thải ở biển để nhận chìm phải phù hợp với quy hoạch không gian biển và/hoặc quy hoạch tổng thể khai thác và sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.⁴² Tuy nhiên, quy hoạch này vẫn chưa được phê duyệt. Do đó, các tổ chức, cá nhân khó xác định được vị trí nhận chìm ở biển để lập ĐTM và dự án nhận chìm ở biển trong khi đó là các điều kiện ràng buộc để được cấp phép.

Hơn nữa, Luật BVMT năm 2020 quy định UBND tỉnh xác định vị trí nhận chìm ở biển, tuy nhiên, UBND tỉnh không phụ trách toàn bộ nguồn nước của Việt Nam. Về cơ bản, UBND tỉnh được giao quản lý trong phạm vi 6 hải lý tính từ đường thủy triều thấp nhất, trong khi bãi thải gần như bắt buộc phải nằm ngoài khu vực này.⁴³ Trên thực tế, UBND tỉnh hầu như không có khả năng xác định các bãi thải trên biển. Do đó, các điều khoản phức tạp nêu trên gây khó khăn cho các nhà đầu tư khi có nhu cầu nhận chìm ở biển. Một số cảng biển không thể hoạt động bình thường do chưa có giấy phép đổ vật liệu nạo vét phát sinh hàng năm.

Về quy trình đánh giá để lựa chọn bãi nhận chìm ở biển, mặc dù pháp luật Việt Nam quy định có 8 loại vật chất được xem xét để nhận chìm ở biển, tuy nhiên pháp luật mới chỉ quy định quy trình đánh giá kỹ thuật để lựa chọn vị trí nhận chìm các vật chất nạo vét ở biển⁴⁴ mà chưa quy định về quy trình lựa chọn bãi nhận chìm cho các vật chất khác.

2.3. Đánh giá thiết chế hiện nay của Việt Nam về quản lý nhận chìm ở biển

Việt Nam đã thiết lập hệ thống thiết chế từ trung ương đến địa phương để quản lý hoạt động nhận chìm ở biển.⁴⁵ Cấp trung ương, Chính phủ thống

40 Thông tư số 28/2019/TT-BTNMT.

41 Luật số 35/2018/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch.

42 Khoản 3 Điều 57 Luật TNMTB và HĐ năm 2015; Điểm c khoản 1 Điều 49 Nghị định số 40/2016/NĐ-CP; Khoản 3 Điều 4, khoản 3 Điều 5 Điều 27 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP.

43 Điều 60 và Điều 65 Luật BVMT năm 2020; Điều 49 Nghị định số 57/2024/NĐ-CP ngày 20/5/2024 về quản lý hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa.

44 Chương III Thông tư số 28/2019/TT-BTNMT.

45 Vũ Thị Duyên Thủy & Phạm Thị Mai Trang, “Đánh giá thực trạng các quy định của pháp luật Việt Nam về nhận chìm ở biển”, *Tạp chí Pháp luật và thực tiễn*, số tháng 3/2017, tr. 85.

nhất quản lý môi trường biển, bao gồm hoạt động nhận chìm ở biển, trong khi Bộ TNMT (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) chịu trách nhiệm ban hành, cấp lại, gia hạn, sửa đổi, bổ sung, cho phép trả lại và thu hồi giấy phép nhận chìm ở biển theo thẩm quyền.⁴⁶ Cục Biển và hải đảo Việt Nam – cơ quan trực thuộc Bộ, chịu trách nhiệm tham mưu cho Bộ Nông nghiệp và Môi trường – thực hiện trách nhiệm của mình trong việc quản lý nhận chìm ở biển.⁴⁷ Ở địa phương, UBND 28 tỉnh ven biển (nay là 21 tỉnh ven biển)⁴⁸ được giao chịu trách nhiệm cấp, cấp lại, gia hạn, sửa đổi, bổ sung, cho phép trả lại và thu hồi giấy phép nhận chìm ở biển thuộc thẩm quyền của mình.⁴⁹ Sở Tài nguyên và Môi trường (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường) là cơ quan nhà nước thuộc UBND cấp tỉnh có trách nhiệm tham mưu cho UBND cấp huyện thực hiện các quy định về quản lý nhận chìm ở biển thuộc quyền của UBND cấp tỉnh.

Tuy nhiên, pháp luật Việt Nam hiện nay không có quy định giao cơ quan có trách nhiệm giám sát quá trình chủ đầu tư sử dụng bãi thải ở biển để thu thập số liệu quản lý.⁵⁰ Vì vậy, việc đóng cửa các bãi thải ở biển cũng chưa được quy định. Cho đến nay, việc đánh giá tổng nhu cầu nhận chìm ở biển vẫn chưa được thực hiện. Việc xác định hoặc đóng cửa bãi thải cũng chưa được Chính phủ quan tâm. Điều này gây khó khăn cho Chính phủ trong việc quản lý bãi thải ở biển. Ngoài ra, năng lực và cơ sở dữ liệu quản lý bãi chìm ở biển không đủ để quản lý bãi chìm ở biển. Việc thiếu nhân lực, trang thiết bị phục vụ công tác quản lý nhận chìm ở biển dẫn đến công tác quản lý nhận chìm ở biển còn yếu kém.⁵¹ Hơn nữa, sự khan hiếm cơ sở dữ liệu về đa dạng sinh học biển, môi trường, kinh tế... cũng làm nảy sinh nhiều lúng túng trong việc xem xét cấp phép cũng như quản lý bãi nhận chìm ở biển.

3. Một số đề xuất

Việt Nam đã trải qua một quá trình liên tục hoàn thiện pháp luật và xây dựng hệ thống thể chế để quản lý hoạt động nhận chìm trên biển nhằm bảo vệ môi trường biển tại Việt Nam và thực hiện nghĩa vụ thành viên của UNCLOS. Tuy nhiên, ngoài việc định nghĩa “nhận chìm” chưa tương thích với Công ước, một số quy định khác trong pháp luật Việt Nam còn mâu thuẫn, chồng chéo; một số khía cạnh của quản lý nhận chìm ở biển chưa được pháp luật điều chỉnh. Để đảm bảo các luật và quy định cũng như các biện pháp quốc gia không được kém hiệu quả hơn các quy tắc và quy phạm có tính chất toàn cầu về ngăn ngừa, hạn chế và chế ngự ô nhiễm biển do

46 Điều 58-Điều 60 Luật TNMTB và HĐ năm 2015.

47 Quyết định số 2988/QĐ-BTNMT ngày 04/11/2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Biển và hải đảo Việt Nam.

48 Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 về sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh.

49 Điều 60 Luật TNMTB và HĐ năm 2015.

50 Lê Đức Dũng và các tác giả, “Tổng quan quy tình giám sát hoạt động nhận chìm chất nạo vét ở biển và đề xuất cho Việt Nam”, *Tạp chí Khoa học Tài nguyên và Môi trường*, tháng 6/2024, tr. 51. DOI: <https://doi.org/10.63064/khtnmt.2024.587>

51 Nguyễn Thanh Tùng, “Nhu cầu xây dựng, ban hành các quy định kỹ thuật phục vụ quản lý hoạt động nhận chìm ở biển”, *Tạp chí Môi trường*, số 2, 2019.

nhận chìm,⁵² Chính phủ Việt Nam cần xem xét một số giải pháp, trong đó nên tập trung vào một số đề xuất sau đây:

Thứ nhất, sửa đổi bổ sung một số quy định chưa hiệu quả trong Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo năm 2015.⁵³ Hiện nay, Việt Nam đang tổng kết thi hành Luật này để trình Chính phủ.⁵⁴ Do đó, lúc này là thời điểm thích hợp để đề xuất khắc phục những hạn chế đã được nhận diện và phân tích ở trên, với một số đề xuất sau:

Về định nghĩa về “nhận chìm ở biển”, Việt Nam nên sửa Điều 3 Luật TNMTB và HĐ năm 2015 theo hướng: “Nhận chìm ở biển là sự đánh chìm hoặc trút bỏ có chủ định xuống biển các vật, chất được nhận chìm ở biển theo quy định của Luật này và các văn bản khác có liên quan”. Với định nghĩa này, các quy định trong UNCLOS, Công ước quốc tế về phòng ngừa ô nhiễm từ tàu biển (*The International Convention for the Prevention of Pollution from Ships, 1973 as modified by the Protocol of 1978, MARPOL 73/78*) và các văn bản pháp luật khác của Việt Nam sẽ được xem xét đến nhằm loại trừ “nhận chìm không bao gồm một số hoạt động như xử lý chất thải hoặc các chất khác ngẫu nhiên, hoặc bắt nguồn từ hoạt động bình thường của tàu thuyền, máy bay, giàn khoan hoặc các cấu trúc nhân tạo khác trên biển và thiết bị của chúng”.

Bên cạnh đó, Luật TNMTB và HĐ năm 2015 cần xem xét bổ sung trách nhiệm của cơ quan có thẩm quyền tại các bãi thải ở biển, đặc biệt là việc đóng mở bãi thải. Hơn nữa, quy hoạch cho các bãi thải nên được quy định riêng với quy hoạch khác trong Luật TNMTB và HĐ. Hiện tại, Luật TNMTB và HĐ năm 2015 yêu cầu bãi nhận chìm ở biển phải phù hợp với quy hoạch không gian biển quốc gia và quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên ven biển đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Tuy nhiên, các bãi thải được xác định chi tiết trong quy hoạch này vẫn chưa được quy định. Do đó, cần có quy hoạch bãi thải riêng để tạo sự quản lý đồng bộ giữa nhu cầu nhận chìm ở biển và việc hoàn thiện pháp luật bảo vệ môi trường biển trên phạm vi cả nước. Chính quyền trung ương nên được giao phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện công việc này. Bộ Nông nghiệp và Môi trường cần sớm chỉ định một số vị trí nhận chìm vật chất nạo vét dọc bờ biển, tạo điều kiện thuận lợi cho việc nạo vét luồng lạch. Các vị trí đó có thể là nơi lấn biển trong tương lai, hoặc là mỏ vật chất dự trữ cho việc sử dụng san lấp sau này.⁵⁵

52 Khoản 6 Điều 210 UNCLOS.

53 Dục Dung Le, Thi Anh Dao Le, Thi Gam Pham, *tlđđ*, tr. 82.

54 Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 05/01/2024 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2024; Quyết định số 59/QĐ-BTNMT ngày 08/01/2024 của Bộ trưởng Bộ TNMT về việc ban hành Chương trình hành động của ngành tài nguyên và môi trường thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 05/01/2024 của Chính phủ, Tổng kết việc thi hành Luật TNMTB và HĐ.

55 Đào Nhật Đình, “Thế giới đổ vật chất nạo vét xuống biển - Việt Nam học được gì?”, *Năng lượng Việt Nam*, <https://nangluongvietnam.vn/the-gioi-do-vat-chat-nao-vet-xuong-bien-viet-nam-hoc-duoc-gi-31437.html>, truy cập ngày 5/11/2025.

Thứ hai, cần cải thiện thủ tục hành chính cấp phép nhận chìm ở biển.⁵⁶ Hiện nay, có 4 thủ tục hành chính chính là: đánh giá sơ bộ tác động môi trường và quyết định chủ trương đầu tư; ĐTM; giấy phép nhận chìm ở biển; và giấy phép sử dụng khu vực biển để nhận chìm. Nghị định 11/2021/NĐ-CP đã quy định gộp giấy phép nhận chìm ở biển và giấy phép sử dụng khu vực biển để nhận chìm trong một quy trình thủ tục hành chính. Việt Nam cần xem xét kết hợp việc phê duyệt báo cáo ĐTM trong thủ tục hành chính này để tạo thuận lợi cho nhà đầu tư và các cơ quan chức năng trong việc quản lý bãi thải ở biển. Bộ Nông nghiệp và Môi trường đang xin thí điểm thực hiện việc kết hợp thủ tục hành chính này và sau đó thủ tục này cần được tiếp cận và quy định trong văn bản pháp luật để áp dụng cho tất cả các hoạt động nhận chìm ở biển.

Thứ ba, Việt Nam nên đánh giá nhu cầu của 8 loại vật liệu cho việc nhận chìm ở biển.⁵⁷ Trường hợp chỉ đưa vật liệu nạo vét vào bãi thải ở biển thì cần đưa các vật liệu khác ra khỏi Danh mục vật liệu được xem xét nhận chìm ở biển. Trong trường hợp cả 8 loại vật liệu này đều bắt buộc phải nhận chìm ở biển trong thời gian tối thì phải xây dựng và phê duyệt các quy chuẩn kỹ thuật cho chúng. Điều này sẽ bảo đảm không có việc nhận chìm nào được thực hiện mà không được phép của cơ quan có thẩm quyền của các quốc gia.⁵⁸

Thứ tư, Việt Nam nên xem xét tham gia Nghị định thư Luân Đôn năm 1996. Như đã phân tích ở trên, Nghị định thư Luân Đôn năm 1996 được coi là tiến bộ so với Công ước Luân Đôn năm 1972.⁵⁹ Gia nhập Nghị định thư cũng là một cách để Việt Nam thực hiện yêu cầu của UNCLOS “đảm bảo các quy định cũng như các biện pháp quốc gia không được kém hiệu lực hơn các quy tắc và tiêu chuẩn toàn cầu”.⁶⁰ Ngoài ra, với tư cách thành viên Nghị định thư Luân Đôn năm 1996, Việt Nam sẽ có cơ hội trao đổi kinh nghiệm cũng như nhận sự hỗ trợ của các bên khác trong quản lý nhận chìm ở biển.⁶¹ Về giải pháp này,⁶² Việt Nam có thể nghiên cứu và học hỏi kinh nghiệm của Trung Quốc để lồng ghép các quy định của Nghị định thư Luân Đôn năm 1996 vào luật trong nước. Ngoài ra, Việt Nam cũng có thể học hỏi kinh nghiệm của một số quốc gia như Hoa Kỳ, Australia... trong việc quy định về mức xử phạt hành chính đối với vi phạm quy định về nhận chìm ở biển. Sự phù hợp giữa pháp luật quốc gia và điều ước quốc tế tạo điều kiện thuận lợi cho việc Việt Nam thực thi các nghĩa vụ của mình, đồng thời đạt được mục tiêu phát triển bền vững kinh tế biển.⁶³ ●

56 Dục Dung Le, Thi Anh Dao Le, Thi Gam Pham, *tlđđ*, tr. 8.

57 Dục Dung Le, Thi Anh Dao Le, Thi Gam Pham, *tlđđ*, tr. 9.

58 Điều 210 UNCLOS.

59 Zou Keyuan, “Regulation of waste dumping at sea: The Chinese practice”, *Ocean & Coastal Management*, Vol. 52(7), tr.384-385, <https://doi.org/10.1016/j.ocecoaman.2009.04.002>

60 Khoản 6 Điều 210 UNCLOS.

61 Dục Dung Le, Thi Anh Dao Le, Thi Gam Pham, *tlđđ*, tr. 8; Phạm Thị Gấm và Văn Thị Hậu, *tlđđ*, tr.45.

62 Nguyễn Văn Trường và các tác giả, “Nghiên cứu Quy định Công ước Luân Đôn 1972 và Nghị định thư 1996, kinh nghiệm cho Việt Nam”, *Tạp chí Công nghiệp tàu thủy*, 2024, <https://congnghietauthuyvietnam.vn/new/nguyen-cuu-quy-dinh-cong-uoc-luan-don-1972-va-nghi-dinh-thu-1996-kinh-nghiem-cho-viet-nam-phan-2.html>, truy cập ngày 5/11/2025.

63 Nghị quyết số 36-NQ/TW về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Tài liệu tham khảo

- [1] Nguyễn Tác An, “Nhận chìm là hoạt động kinh tế bình thường, song cần được kiểm soát chặt chẽ”, *Báo Nông nghiệp và Môi trường*, 2018 [trans: Nguyen Tac An, “Sinking is a normal economic activity, but needs to be strictly controlled”, *Agriculture and Environment Newspaper*, 2018]
- [2] Phạm Thị Gấm và Văn Thị Hậu, “Cơ hội và thách thức khi Việt Nam tham gia Nghị định thư Luân Đôn năm 1996 về ngăn chặn ô nhiễm biển do nhận chìm chất thải và các chất khác”, *Tạp chí Môi trường*, số 11, 2015 [trans: Pham Thi Gam and Van Thi Hau, “Opportunities and challenges for Vietnam to join the 1996 London Protocol on the prevention of marine pollution by dumping of waste and other substances”, *Environment Journal*, No. 11 - 2015]
- [3] Văn Hào, “Đổ thải, nhận chìm trên biển - Nhu cầu thực tế và tác động môi trường”, *Báo Tin tức và Dân tộc*, 27/07/2017 [trans: Van Hao, “Dumping at sea - Actual needs and environmental impacts”, *News and Ethnicity Newspaper*, July 27, 2017]
- [4] Zou Keyuan, “Regulation of waste dumping at sea: The Chinese practice”, *Ocean & Coastal Management*, Vol. 52(7), DOI: <https://doi.org/10.1016/j.ocecoaman.2009.04.002>
- [5] Duc Dung Le, Thi Anh Dao Le, Thi Gam Pham, “Vietnam’s regulations on sea dumping: Outstanding issues and suggestions for improvement”, *Regional Studies in Marine Science*, Vol. 68, 2023, DOI: <https://doi.org/10.1016/j.rsma.2023.103253>
- [6] Trần Anh Quân, Đỗ Thị Hải, Nguyễn Thị Hồng Ngọc, “Sự phát tán vật chất lơ lửng trong nước biển do nạo vét và nhận chìm vật, chất nạo vét tại cảng Nghi Sơn, Thanh Hóa”, *Tạp chí Môi trường*, số II, 2021 [trans: Tran Anh Quan, Do Thi Hai, Nguyen Thi Hong Ngoc, Dispersion of suspended matter in seawater due to dredging and sinking of dredged materials and substances at Nghi Son port, Thanh Hoa”, *Environment Journal*, No. II, 2021]
- [7] Vũ Thị Duyên Thùy & Phạm Thị Mai Trang, “Đánh giá thực trạng các quy định của pháp luật Việt Nam về nhận chìm ở biển”, *Tạp chí Pháp luật và thực tiễn*, số tháng 3, 2017 [trans: Vu Thi Duyen Thuy & Pham Thi Mai Trang, “Assessment of the current status of Vietnamese legal regulations on dumping at sea”, *Law and Practice Journal*, Issue March 2017]
- [8] Nguyễn Văn Trường và các tác giả, “Nghiên cứu Quy định Công ước Luân Đôn 1972 và Nghị định thư 1996, kinh nghiệm cho Việt Nam”, *Tạp chí Công nghiệp tàu thủy*, 2024 [trans: Nguyen Van Truong and others, “Research on the Regulations of the London Convention 1972 and the Protocol 1996, lesson learn for Vietnam”, *Shipbuilding Industry Journal*, 2024]
- [9] Nguyễn Thanh Tùng, “Nhu cầu xây dựng, ban hành các quy định kỹ thuật phục vụ quản lý hoạt động nhận chìm ở biển”, *Tạp chí Môi trường*, số 2, 2019 [trans: Nguyen Thanh Tung, “The need to develop and promulgate technical regulations for the management of dumping activities at sea”, *Environment Journal*, No. 2, 2019]
- [10] Viện Khoa học môi trường biển và hải đảo, *Nghiên cứu xây dựng Bộ tiêu chí xác định ngưỡng chịu tải các khu vực quy hoạch nhận chìm chất nạo vét trong vùng lãnh hải Việt Nam*, Báo cáo tổng hợp đề tài cấp quốc gia, Mã số: ĐTDL.CN-57/20, Hà Nội, 2024 [trans: Institute of Marine and Island Environmental Sciences, *Research on developing a set of criteria for determining the load-bearing threshold of planned areas for dumping dredged materials in Vietnam's territorial waters*, Synthesis report of national research project, Code: DTDL.CN-57/20, Hanoi, 2024]
- [11] World Marine University, *Protecting the Ocean: Moving forward: London Convention/Protocol and Stockholm Declaration*, Conference Proceedings, 9 October, 2023